

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 440/2026/DS-PT

Ngày: 23-6-2026

V/v “*Tranh chấp di sản thừa kế*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Xuân Đào

Ông Phạm Thành Dương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Minh - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Đồng Nai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Nai tham gia phiên
tòa:*** Bà Trần Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Nai
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2026/TLPT-DS ngày 02 tháng
6 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp di sản thừa kế*”.

Do Bản án sơ thẩm số: 499/2025/DS-ST ngày 29-12-2025 của Tòa án
nhân dân Khu vực 1- Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 423/2026/QĐ-PT
ngày 03 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ông Huỳnh Tấn B, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số A, tổ A, khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai
(nay là số A, tổ A, khu phố T, phường T, Thành phố Đ).

2. ***Bị đơn:***

2.1. Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1949.

Địa chỉ: 1, tổ A, khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai
(phường T, Thành phố Đ).

2.2. Bà Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1964.

Địa chỉ: D, ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã T, Thành phố
Đ).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà M, bà C: Ông Si Minh A, sinh năm
1974. Địa chỉ: 1, khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là tổ
A, khu phố T, phường T, Thành phố Đ). (Văn bản uỷ quyền ngày 05/6/2025)

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

3.1. Ông Huỳnh Tấn Đ, sinh năm 1953.

Địa chỉ: 1, tổ A, khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, Thành phố Đ).

3.2. Ông Huỳnh Tấn T, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số B, đường D, ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã H, Thành phố Đ).

3.3. Ông Huỳnh Tấn K, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số A, tổ A, khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, Thành phố Đ).

3.3. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B (nay là Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh B1).

Địa chỉ trụ sở: Số B đường V, khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, Thành phố Đ).

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Huỳnh Tấn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn là ông Huỳnh Tấn B trình bày:*

Cha ông tên Huỳnh Văn T1 đã chết năm 1997 và mẹ ông tên Cao Thị H đã chết năm 1988, cha mẹ ông có tất cả 06 người con gồm: Huỳnh Tấn B, sinh năm 1959; Huỳnh Thị M, sinh năm 1949; Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1964; Huỳnh Tấn Đ1, sinh năm 1953; Huỳnh Tấn T, sinh năm 1957; Huỳnh Tấn K, sinh năm 1962.

Trước khi chết cha mẹ ông có tạo lập được phần diện tích khoảng 4.695m² tọa lạc tại khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, Thành phố Đ). Khi chết cha mẹ ông không để lại di chúc. Đến ngày 02/6/2000 sáu anh chị em có ngồi lại với nhau lập bản cam kết Hội đồng gia tộc theo di nguyện của cha mẹ lúc còn sống là chia cho mỗi người con một miếng đất đã đo và ghi diện tích trong bản cam kết gia tộc gồm có Huỳnh Thị M, Huỳnh Tấn Đ, Huỳnh Tấn T, Huỳnh Tấn B, Huỳnh Tấn K, Huỳnh Thị Kim C. Tổng diện tích cha mẹ cho là 4.695m². Trong cuộc họp có anh Huỳnh Tấn T là thư ký có ghi cho mỗi người một bản cam kết có chữ ký tên của 06 anh chị em để ra Ủy ban nhân dân xã ký chứng thực để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần diện tích đất của tôi được cha mẹ cho tôi đã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng diện tích đất 500m² cha mẹ nói lúc còn sống là của chung, anh chị em nào sử dụng thì thông báo cho nhau trong đó có 01 trại nuôi heo xây tường gạch lát nền bê tông và 01 ao nuôi cá khoảng 150m². Lúc cha mẹ cho 500m² trại heo, trại cá có con bác ruột, con cô ruột, con cậu ruột có đất giáp ranh đều biết.

Vào tháng 4/2020 Ủy ban nhân dân thành phố B có Quyết định thu hồi đất để làm đường ven sông ban đền bù đến từng nhà để kê khai thì 04 anh em ông mới biết bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị Kim C đã làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhập vào diện tích đất của hai người. Cụ thể, bà M được cấp 200m², bà C được cấp 300m² thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, Thành phố Đ). Bản

cam kết gia tộc về việc thống nhất để 500m² còn lại làm của chung thì hiện nay đã bị thất lạc ông cũng không tìm thấy.

Phần diện tích ao cá, chuồng heo 500m² hiện nằm trong diện giải toả và bồi thường của dự án đường ven sông Đ, dự án công viên và bờ kè sông T. Vào ngày 04/3/2021, bà M bà C có đến Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B để nhận tiền bồi thường. Tôi có yêu cầu bà M, bà C chia một phần giá trị bằng tiền phần đất bị giải toả có giá trị 1.700.000.000 đồng, nhưng bà M bà C không đồng ý nên tôi đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai). Do vụ án đang được thụ lý giải quyết nên ông B đã đề nghị Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố B giữ lại số tiền 200.000.000 đồng để chờ kết quả giải quyết vụ án tranh chấp di sản thừa kế mới xử lý số tiền trên.

Tại đơn khởi kiện ông B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị Kim C chia cho ông 1 giá trị tài sản là tiền bồi thường do giải toả của một phần thửa đất số 19, 20 tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, yêu cầu được chia 250.000.000 đồng).

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/9/2023 ông Huỳnh Tấn B yêu cầu bà Huỳnh Thị M chia cho ông một phần số tiền bồi thường đất bị giải toả là 100.000.000 đồng và yêu cầu bà Huỳnh Thị Kim C chia cho ông một phần tiền bồi thường đất bị giải toả là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Tổng cộng là 200.000.000 đồng.

Tại phiên toà, ông Bửu G nguyên yêu cầu khởi kiện như tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/9/2023 yêu cầu bà M và bà C mỗi bà phải chia cho ông 100.000.000 đồng, tổng cộng là 200.000.000 đồng.

** Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại tòa cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Huỳnh Thị M có người đại diện theo uỷ quyền là ông Si Minh A trình bày:*

Cha bà tên Huỳnh Văn T1 đã chết năm 1997 và mẹ tên Cao Thị H đã chết năm 1988, Cha mẹ bà có tất cả 06 người con gồm: Huỳnh Tấn B, sinh năm 1959; Huỳnh Thị M, sinh năm 1949; Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1964; Huỳnh Tấn Đ1, sinh năm 1953; Huỳnh Tấn T, sinh năm 1957; Huỳnh Tấn K, sinh năm 1962.

Quá trình chung sống cha mẹ có tạo lập được khối tài sản chung là phần diện tích khoảng 4.695m² tọa lạc tại khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, Thành phố Đ). Khi chết cha mẹ bà không để lại di chúc. Đến ngày 02/6/2000 các anh chị em có ngồi lại với nhau lập bản cam kết Hội đồng gia tộc theo di nguyện của cha mẹ lúc còn sống là chia cho mỗi người con một miếng đất đã đo và ghi diện tích trong bản cam kết gia tộc gồm có Huỳnh Thị M, Huỳnh Tấn Đ, Huỳnh Tấn T, Huỳnh Tấn B, Huỳnh Tấn K, Huỳnh Thị Kim C. Tổng diện tích cha mẹ cho là 4.695m². Theo đó chị em họp lại với nhau vào 02/6/2000 thống nhất mỗi người được hưởng một phần diện tích cụ thể bà được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất khoảng 1.132m² tọa

lạc tại khu phố C phường B, thành phố B (nay là phường T, Thành phố Đ) và sau đó bà đã nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 265425 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 19/3/2014. Bà sử dụng ổn định từ đó đến nay không có ai tranh chấp. Đến ngày 24/4/2021, Nhà nước thu hồi 253,3m² để làm bờ kè đường ven sông Đ, bà đã đồng ý với chủ trương của Nhà nước và đồng ý nhận số tiền đền bù theo quy định của Nhà nước.

Nay bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B vì bà xác định mấy chị em đều đã được cha mẹ cho diện tích đất cụ thể và đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại bản cam kết hội đồng gia tộc thì sáu chị em cũng đều ký tên xác nhận và đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

** Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại Tòa cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Huỳnh Thị Kim C có người đại diện theo ủy quyền là ông Si Minh A trình bày:*

Cha bà tên Huỳnh Văn T1 đã chết năm 1997 và mẹ tên Cao Thị H đã chết năm 1988, cha mẹ bà có tất cả 06 người con gồm: Huỳnh Tấn B, sinh năm 1959; Huỳnh Thị M, sinh năm 1949; Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1964; Huỳnh Tấn Đ1, sinh năm 1953; Huỳnh Tấn T, sinh năm 1957; Huỳnh Tấn K, sinh năm 1962.

Quá trình chung sống cha mẹ có tạo lập được khối tài sản chung là phần diện tích khoảng 4.695m² tọa lạc tại khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, Thành phố Đ). Khi chết cha mẹ bà không để lại di chúc. Đến ngày 02/6/2000 các anh chị em có ngồi lại với nhau lập bản cam kết Hội đồng gia tộc theo di nguyện của cha mẹ lúc còn sống là chia cho mỗi người con một miếng đất đã đo và ghi diện tích trong bản cam kết gia tộc gồm có Huỳnh Thị M, Huỳnh Tấn Đ, Huỳnh Tấn T, Huỳnh Tấn B, Huỳnh Tấn K, Huỳnh Thị Kim C. Tổng diện tích cha mẹ cho là 4.695m². Theo đó chị em họp lại với nhau vào 02/6/2000 thống nhất mỗi người được hưởng một phần diện tích cụ thể bà được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất khoảng 821,2m² tọa lạc tại khu phố C phường B, thành phố B (nay là phường T, Thành phố Đ) và sau đó bà đã nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 790590 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 28/9/2010. Bà sử dụng ổn định từ đó đến nay không có ai tranh chấp. Đến năm 2021, Nhà nước thu hồi toàn bộ diện tích đất của bà để làm bờ kè đường ven sông Đ, bà đã đồng ý với chủ trương của Nhà nước và đồng ý nhận số tiền đền

bù theo quy định của Nhà nước.

Nay bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B vì bà xác định mấy chị em đều đã được cha mẹ cho diện tích đất cụ thể và đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại bản cam kết hội đồng gia tộc thì sáu chị em cũng đều ký tên xác nhận và đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

** Tại bản tự khai ngày 08/6/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Tấn T trình bày:*

Cha ông tên Huỳnh Văn T1 đã chết năm 1997 và mẹ ông tên Cao Thị H đã chết năm 1988, Cha mẹ ông có tất cả 06 người con gồm: Huỳnh Tấn B, sinh năm 1959; Huỳnh Thị M, sinh năm 1949; Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1964; Huỳnh Tấn Đ1, sinh năm 1953; Huỳnh Tấn T, sinh năm 1957; Huỳnh Tấn K, sinh năm 1962.

Trước khi chết cha mẹ ông có tạo lập được phần diện tích khoảng 4.695m² tọa lạc tại khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, Thành phố Đ). Khi chết cha mẹ ông không để lại di chúc. Đến ngày 02/6/2000 sáu anh chị em có ngôi lại với nhau lập bản cam kết Hội đồng gia tộc theo di nguyện của cha mẹ lúc còn sống là chia cho mỗi người con một miếng đất đã đo và ghi diện tích trong bản cam kết gia tộc gồm có Huỳnh Thị M, Huỳnh Tấn Đ, Huỳnh Tấn T, Huỳnh Tấn B, Huỳnh Tấn K, Huỳnh Thị Kim C. Tổng diện tích cha mẹ cho là 4.695m². Diện tích đất của các anh chị em được nhận đã được ghi rõ tại Bản cam kết gia tộc theo đó bà Huỳnh Thị M được sử dụng diện tích 1.132m², bà Huỳnh Thị Kim C được sử dụng diện tích 821,2m² và những người còn lại được sử dụng diện tích như đã ghi trong Bản cam kết hội đồng gia tộc mỗi người giữ một bản. Do vậy ông đề nghị Tòa án xử theo diện tích đã ghi trong Bản cam kết hội đồng gia tộc mà bị đơn cung cấp.

** Tại bản tự khai ngày 08/6/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Tấn Đ trình bày:*

Cha ông là Huỳnh Văn T1 mất năm 1997, mẹ là bà Cao Thị H, mất năm 1988, cha mẹ có lô đất 4.695m² đã chia cho anh chị em. Riêng lô đất khoảng 500m² là chuồng heo ao cá là sử dụng chung cho các anh chị em. Do vậy ông đề nghị Toà vẫn chia theo diện tích đã ghi trong biên bản cam kết Hội đồng gia tộc.

** Tại bản tự khai ngày 08/6/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Tấn K trình bày:*

Cha mẹ ông có 06 người con gồm: Huỳnh Tấn B, sinh năm 1959; Huỳnh Thị M, sinh năm 1949; Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1964; Huỳnh Tấn Đ1, sinh năm 1953; Huỳnh Tấn T, sinh năm 1957; Huỳnh Tấn K, sinh năm 1962. Trước khi mất cha mẹ tôi có phân chia phần diện tích đất khoảng 4.695m² cho sáu người con, không có di chúc để lại. Tuy nhiên mẹ ông bà Cao Thị H mất năm 1988, đến năm 1997 bố ông Huỳnh Văn T1 mất. Đến ngày 02/6/2000 sáu anh chị em ông ngôi lại làm bản cam kết hội đồng gia tộc thống nhất chia cho mỗi người với số diện tích đã ghi trong bản cam kết hội đồng gia tộc mà mỗi người

có ký tên và thống nhất theo đó bà Huỳnh Thị M được sử dụng diện tích 1.132m², Huỳnh Thị Kim C được sử dụng 821,2m², những người còn lại được sử dụng diện tích đã ghi trong bản cam kết hội đồng gia tộc mà mỗi người giữ một bản. Do vậy, theo ông T2 xét xử theo diện tích đã ghi trong bản cam kết hội đồng gia tộc mà bị đơn cung cấp.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B (nay là Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh B1 không có ý kiến trình bày.*

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 499/2025/DS-ST ngày 29-12-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1- Đồng Nai căn cứ các Điều 609, 610, 612, 613, 623, 649, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Tấn B đối với yêu cầu bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị Kim C phải chia 1/6 giá trị bồi thường đối với số tiền 200.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 12/01/2026, nguyên đơn ông Huỳnh Tấn B kháng cáo đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn .

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Nai tham gia phiên tòa phúc thẩm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng thành phần, đảm bảo vô tư khách quan, trình tự phiên tòa được Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về đề xuất đường lối giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp kháng cáo của ông Huỳnh Tấn B giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Huỳnh Tấn B làm trong thời hạn luật định, ông B được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Nội dung tranh chấp: Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1915 (đã chết

năm 1997) và bà Cao Thị H, sinh năm 1924 (đã chết năm 1988), ông T1 và bà H có tất cả 06 người con gồm: Huỳnh Tấn B, sinh năm 1959; Huỳnh Thị M, sinh năm 1949; Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1964; Huỳnh Tấn Đ1, sinh năm 1953; Huỳnh Tấn T, sinh năm 1957; Huỳnh Tấn K, sinh năm 1962, cha mẹ ông T1 và bà H đều đã chết, ông T1, bà H không có con riêng nào khác. Nguồn gốc của diện tích đất thuộc 01 phần thửa số 19, 20 tờ bản đồ số 26 phường B, thành phố B (nay là phường T, Thành phố Đ) là của ông Huỳnh Văn T1 và bà Cao Thị H để lại. Năm 1988 bà H chết, năm 1997 ông T1 chết không để lại di chúc. Ngày 02/6/2000, 06 người con của ông T1 và bà H là ông Huỳnh Tấn B, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị Kim C, ông Huỳnh Tấn Đ, ông Huỳnh Tấn T, ông Huỳnh Tấn K đã thống nhất làm Bản cam kết Hội đồng gia tộc phân chia di sản do ông Huỳnh Văn T1 và bà Cao Thị H để lại là diện tích đất khoảng 4.695m², trong đó các anh em thỏa thuận bà Huỳnh Thị M được quyền quản lý sử dụng diện tích khoảng 1.132m²; bà Huỳnh Thị Kim C được quyền quản lý sử dụng diện tích đất khoảng 821,2m²; ông Huỳnh Tấn K được quyền quản lý sử dụng diện tích đất khoảng 491,3m²; ông Huỳnh Tấn T được quyền quản lý sử dụng diện tích đất khoảng 361,8m²; ông Huỳnh Tấn B được quyền quản lý sử dụng diện tích đất khoảng 433m²; ông Huỳnh Tấn Đ được quyền quản lý sử dụng diện tích đất khoảng 1.125,1m².

[3] Ông B kháng cáo cho rằng bà M, bà C đăng ký kê khai phần diện tích đất cha mẹ để lại chưa chia là 500m² vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà M và bà C. Xét, tại Bản cam kết Hội đồng gia tộc ngày 02/6/2000, các anh chị em của ông B thống nhất chia cho bà Huỳnh Thị M diện tích đất là 1.132m², bà Huỳnh Thị Kim C diện tích đất là 821,2m², Bản cam kết Hội đồng gia tộc có chữ ký của anh chị em trong gia đình, được Ủy ban nhân dân phường B xác nhận. Ngày 19/3/2014 bà Huỳnh Thị M được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 265425; ngày 28/9/2010 bà Huỳnh Thị Kim C được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 790590. Bà C, bà M sử dụng diện tích đất được chia phù hợp với diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 28/03/2020 Ủy ban nhân dân thành phố B có thông báo thu hồi đất số 837/TB-UBND thu hồi diện tích đất 253.3m² thuộc một phần thửa đất số 19 tờ bản đồ số 16 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M. Ủy ban nhân dân thành phố B phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ bà M số tiền bồi thường là 1.080.435.000 đồng. Còn phần diện tích đất của bà C đến nay toàn bộ thửa đất số 20 tờ bản đồ số 26 đã được Ủy ban nhân dân thành phố B thu hồi thực hiện dự án đường ven sông Đ. Như vậy, việc ông B cho rằng bà M, bà C đăng ký kê khai phần diện tích đất cha mẹ để lại chưa chia là 500m² vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai bà nhưng không được bị đơn thừa nhận, ông B cũng không có chứng cứ gì để chứng minh, do đó Tòa án cấp sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B là có căn cứ.

[3] Về áp dụng pháp luật: Bà Cao Thị H, (đã chết năm 1988), ông Huỳnh Văn T1, (đã chết năm 1997). Nên việc chia thừa kế của bà H và ông T1 phải áp

dụng Bộ luật Dân sự năm 1995 để giải quyết mới đúng quy định, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết chia thừa kế là không chính xác, cần rút kinh nghiệm.

[4] Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Tấn B giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm; chi phí tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của ông Huỳnh Tấn B không chấp nhận, ông B là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông B.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Tấn B.

Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 499/2025/DS-ST ngày 29-12-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1- Đồng Nai.

Căn cứ các Điều 677, 678, 679 của Bộ luật Dân sự năm 1995; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Tấn B đối với yêu cầu bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị Kim C phải chia thừa kế cho ông B số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông Huỳnh Tấn B.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Huỳnh Tấn B phải chịu 2.235.000 đồng (Hai triệu, hai trăm ba mươi lăm, nghìn đồng), ông B đã nộp đủ.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Huỳnh Tấn B.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố Đồng Nai;
- TAND Khu vực 1- Đồng Nai;
- Phòng THADS Khu vực 1-ĐN;
- Các đương sự;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Xuân Đào Phạm Thành D

Đỗ Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Trung Nguyễn Văn T3

Đỗ Thị N

